

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 06/2023/CV ngày 18/10/2023 của Công ty TNHH I.P. One Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án: Nhà máy Công ty TNHH I.P. One Việt Nam (Giai đoạn 1: Sản xuất nước xả vải đậm đặc công suất 118.481 tấn/năm, nước giặt công suất 20.304 tấn/năm);

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 72/TTr-BQL ngày 25/10/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH I.P. One Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô B1-F, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Công ty TNHH I.P. One Việt Nam” (Giai đoạn 1: Sản xuất nước xả vải đậm đặc công suất 118.481 tấn/năm, nước giặt công suất 20.304 tấn/năm) (sau đây gọi là Dự án), với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

**1.1.** Tên dự án đầu tư: “Nhà máy Công ty TNHH I.P. One Việt Nam” (Giai đoạn 1: Sản xuất nước xả vải đậm đặc công suất 118.481 tấn/năm, nước giặt công suất 20.304 tấn/năm).

**1.2.** Địa điểm hoạt động: Lô B1-F, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.3.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:



Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5470737824 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 05/5/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801286652 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 19/5/2023.

1.4. Mã số thuế: 3801286652

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nước xả vải đậm đặc, nước giặt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô B1-F, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích thực hiện dự án 59.158 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của dự án:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng sản xuất có tổng diện tích 5.022 m<sup>2</sup>.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà kho, nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà để xe, có tổng diện tích 9.197,75 m<sup>2</sup>.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, khu chứa chất thải nguy hại, khu vực hệ thống xử lý nước thải có tổng diện tích 789,6 m<sup>2</sup>.

+ Đất giao thông nội bộ 14.957,48 m<sup>2</sup>, đất cây xanh và đất dự trữ có tổng diện tích 29.191,17 m<sup>2</sup>.

- Công suất:

+ Nước xả vải đậm đặc: 118.481 tấn/năm.

+ Nước giặt: 20.304 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.



**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH I.P. One Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH I.P. One Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Từ ngày ..01. tháng .. năm 2023 đến ngày ..01. tháng .. năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH I.P. One Việt Nam;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty CP PHTKT Becamex Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-35GP<sub>31/10</sub>). 4

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

lq. **CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Anh Minh*



**Phụ lục 1.**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 133.../GPMT-UBND  
ngày 03.../M.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý sơ bộ đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại các văn bản: Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 02/2023/HĐCTLQSDĐ ngày 30/6/2023 giữa Công ty TNHH I.P. One Việt Nam và Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ dự án bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 8,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm (bao gồm: nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh khoảng 5,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm, hoạt động nấu ăn phát sinh khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại, bể tách mỡ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 209,4 m<sup>3</sup>/ngày đêm (bao gồm: nước thải từ hệ thống lọc nước RO, vệ sinh nhà xưởng, xả đáy nồi hơi) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1266252, Y = 542565 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).



## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách mỡ, nước thải sản xuất → Hồ bơm → Bể điều hòa → Cụm bồn phản ứng → Bể DAF → Bể Selector và SBR → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- Công suất thiết kế: 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, FeCl<sub>3</sub>, C-Polyme, Javen.

- Chế độ vận hành: liên tục.

## **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- Khi có sự cố, tạm dừng công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm (hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước).

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**



Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột B
1	pH	-	5,5-9
2	Độ màu	Pt/Co	150
3	COD	mg/l	150
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
5	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100
6	Tổng photpho	mg/l	6
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Amoni	mg/l	10
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

**3.2.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

**3.3.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3.4.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.5.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.6.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.





**Phụ lục 2.****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *A.3.A...*/GPMT-UBND ngày *03/01/2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải từ nồi hơi.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải****2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí thải nồi hơi (nguồn số 01)	1266767	524183
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng (nguồn số 02)	1266732	524134

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH I.P. One Việt Nam, địa chỉ tại lô B1-F, KCN Becamex - Bình Phước, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải có chiều cao 16 mét.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải có chiều cao 06 mét.

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường**

Khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí

thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $k_p = 1$ ;  $k_v = 1$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, ( $k_p = 1, k_v = 1$ )	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại Khoản 3, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b> Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải				

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ nồi hơi (nhiên liệu sử dụng khí gas CNG) được thu gom, thoát qua ống thoát khí cao 16 mét.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng dầu DO) được thu gom, thoát qua ống thoát khí cao 06 mét.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

##### 1.2.1. Hệ thống thu gom, thoát khí thải (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Quạt hút → Ống thoát khí (cao 16 mét, đường kính 0,6 mét).

- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

##### 1.2.2. Hệ thống thu gom, thoát khí thải số 02 (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống thoát khí (cao 06 mét, đường kính 0,22 mét).



- Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Số lượng: 01 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### ***1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục***

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### ***1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố***

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, đảm bảo độ ổn định của các hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Dự án đầu tư “Nhà máy Công ty TNHH I.P. One Việt Nam” (Giai đoạn 1: Sản xuất nước xả vải đậm đặc công suất 118.481 tấn/năm, nước giặt công suất 20.304 tấn/năm) sử dụng khí gas CNG làm nhiên liệu đốt nồi hơi, do đó không phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**3.1.** Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.3.** Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

**3.4.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



**Phụ lục 3.****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 124.../GPMT-UBND ngày 03/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh tại khu vực sản xuất nước xả vải đậm đặc.
- Nguồn số 02: Phát sinh tại khu vực sản xuất nước giặt.
- Nguồn số 03: Phát sinh tại khu vực máy phát điện dự phòng.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

TT	Vị trí nguồn phát sinh	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến 106 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y (m)
1	Nguồn số 01	1266850	524238
2	Nguồn số 02	1266911	524235
3	Nguồn số 03	1266807	524281

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, thiết bị; sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn. Áp dụng các biện pháp bóc dỡ nguyên liệu, sản phẩm phù hợp, hạn chế tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4.**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1.34.../GPMT-UBND*  
*ngày 03/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

*1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát phát sinh thường xuyên*

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	KS	600
2	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	100
3	Hộp chứa mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	KS	10
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	15
5	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	1.875
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn	12 06 12	KS	15.900
<b>Tổng cộng</b>					<b>17.300</b>

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh*

TT	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Giấy và bao bì các tông thải bỏ, lõi băng keo	18 01 05	TT-R	1,4



TT	Thành phần	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
2	Vỏ bao bì sản phẩm bị lỗi, hư hỏng	18 01 06	TT-R	1,02
3	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	TT	0,6
<b>Tổng cộng</b>				<b>3,02</b>

### *1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 108 kg/ngày, tương đương 32.400 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát**

***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát***

#### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa*

Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, bao bì lưu chứa chuyên dụng đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải phát sinh.

#### *2.1.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho: 37,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bao, nền chống thấm, có gờ, rãnh rôn thoát nước, có biển báo, trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy.

***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

#### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa*

Thùng chứa, bao chứa đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

#### *2.2.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích: 37,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có mái che, tường bao, nền chống thấm, có biển báo,...

***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt***

#### *2.3.1. Thiết bị lưu chứa*

Thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.



### 2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 37,2 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có mái che, tường bao, nền chống thấm, có biển báo,...

### 2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điều b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.





**Phụ lục 5.****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *A.3.4...*/GPMT-UBND ngày *03/11/2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Hệ thống xử lý nước cấp sử dụng công nghệ RO đáp ứng yêu cầu sản xuất. Nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp (hệ thống lọc RO) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.
5. Dự án sử dụng nhiên liệu dầu DO máy phát điện dự phòng, khí ga thiên nhiên (CNG) đối với nồi hơi. Nhiên liệu dầu DO, khí CNG phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
11. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.